ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3191 /QĐ-UBND	*Kiên Giang, ngày 23 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 505/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 131/TTr-SKHĐT ngày 13 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Cụ thể như sau:

1. Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 cho các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố theo các phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Giao danh mục, mức vốn ngân sách địa phương bố trí kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 cho từng chương trình, dự án, nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư theo các phụ lục kèm theo tại Quyết định này.

Điều 2. Triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo danh mục, mức vốn theo các phụ lục kèm theo tại Điều 1 cho các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư thực hiện và kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

2. Trên cơ sở kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 được thông báo. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định về kế hoạch đầu tư công trung hạn bao gồm danh mục và mức vốn do cấp mình quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều 62 Luật Đầu tư công (kể cả các dự án được bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên theo quy định tại khoản 7 Điều 17 Luật Đầu tư công) và đúng theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức quy định tại Nghị quyết số 505/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang; đồng thời phải thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, chủ đầu tư tiếp tục hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án chuyển tiếp, khởi công mới dự kiến bố trí kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư; trên cơ sở đó, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh giao danh mục, mức vốn ngân sách địa phương bố trí kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo đúng quy định.

4. Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo đúng quy định của Luật

Đầu tư công và các quy định pháp luật khác có liên quan; chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu các dự án do đơn vị quản lý. Trường hợp phát hiện các thông tin, số liệu không chính xác, phải kịp thời báo cáo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các chủ đầu tư và Giám đốc (Thủ trưởng) các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 của Quyết định;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (05b);
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT, nknguyen (01b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Lâm Minh Thành

Người ký: Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang
Email: ubnd@kiengiang.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Kiên Giang
Thời gian ký: 23.12.2021 16:23:40 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục tổng hợp

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 -2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 3191 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSĐP giai đoạn 2021-2025 (theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 của HĐND tỉnh)	Giao kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025	Chênh lệch so kế hoạch (tăng +/giảm -)
1	*2*	*3*	*4*	*5*
I	**VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**21.440.300**	**20.877.295**	**-563.005**
	Trong đó:			
1	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	5.747.500	5.241.995	-505.505
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	7.000.000	7.000.000	
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	8.644.000	8.586.500	-57.500
4	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	48.800	48.800	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục

DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

(Kèm theo Quyết định số 3191 /QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh					Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
	TỔNG SỐ (A+B+C+D)				**24.671.199**	**14.602.718**	**9.103.783**	**4.873.528**	**20.877.295**	**5.241.995**	**7.000.000**	**8.586.500**	**48.800**	**10.628.781**	
A	**VỐN BỐ TRÍ ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM**				**24.671.199**	**14.602.718**	**9.103.783**	**4.873.528**	**12.613.118**	**3.478.772**	**2.800.000**	**6.285.546**	**48.800**	**2.624.646**	
	- Trong đó: Bố trí dự án chuyển tiếp				***17.533.627***	***10.626.322***	***9.090.053***	***4.859.798***	***5.941.660***	***693.880***	***2.121.000***	***3.126.780***	***0***	***641.597***	
	- Trong đó: Bố trí dự án khởi công mới								***6.006.958***	***2.169.192***	***679.000***	***3.158.766***		***1.983.049***	
	- Trong đó: trả nợ gốc + vốn vay lại.								***74.500***	***25.700***	***0***	***0***	***48.800***	***0***	
	- Trong đó: Bố trí bồi hoàn giải phóng mặt bằng (từ tiền thuê đất)								***590.000***	***590.000***				***0***	
I	**Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**				**3.127.820**	**501.438**	**1.063.996**	**249.119**	**716.107**	**716.107**	**0**	**0**	**0**	**0**	
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**2.246.328**	**501.438**	**1.063.996**	**249.119**	**268.022**	**268.022**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	Dự án cấp nước tập trung trên địa bàn nông thôn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2016 -2020	toàn tỉnh	2018-2023	2409/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh;	96.346	96.346	66.115	66.115	30.000	30.000					
2	Trạm cấp nước U Minh Thượng, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang	huyện U Minh Thượng	2019-2021	2527/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	30.000	30.000	8.500	8.500	21.000	21.000					
3	Trạm cấp nước liên xã Vĩnh Phong - Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận.	huyện Vĩnh Thuận	2019-2021	2525/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	37.000	37.000	8.500	8.500	28.000	28.000					
4	Dự án nâng cấp mở rộng Trạm cấp nước xã Nam Thái và mở rộng tuyến ống hệ thống cấp nước liên xã huyện An Biên	huyện An Biên	2019-2021	2526/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	59.982	59.982	25.000	25.000	34.900	34.900					
5	Hệ thống đường ống nước xã Tân Khánh Hòa	xã Tân Khánh Hòa, huyện Giang Thành	2019-2020	732/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh;	18.000	18.000	16.000	16.000	1.500	1.500					Thanh toán quyết toán

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư: Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư: Trong đó: ngân sách tỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Trong đó: ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Trong đó: Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
6	Trụ sở làm việc Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Kiên Giang	thành phố Rạch Giá	2019-2021	376/QĐ-SKHĐT, ngày 30/10/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	14.998	14.998	8.511	8.511	6.400	6.400					
7	Hồ chứa nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt khu vực huyện An Minh"	huyện An Minh	2017-2021	2591/QĐ-UBND, ngày 30/10/2015; 1135/QĐ-UBND, ngày 22/5/2017; 951/QĐ-UBND ngày 12/4/2021 của UBND tỉnh;	123.000	1.000	116.000	6.000	7.000	7.000					
8	Hồ chứa nước Bãi Cây Mến, huyện Kiên Hải	xã An Sơn, huyện Kiên Hải	2017-2022	2281/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017; 317/QĐ-UBND, ngày 10/802/2020; 233/QĐ-UBND, ngày 29/01/2021 của UBND tỉnh;	152.289	44.289	89.000	31.000	13.000	13.000					
9	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa sông Cái Lớn - Cái Bé, tỉnh Kiên Giang	huyện Châu Thành, huyện An Biên	2017-2022	2296/QĐ-UBND, ngày 31/10/2017; 3221/QĐ-UBND, ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	80.014	36.000	64.694	28.694	5.000	5.000					
10	Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tỉnh Kiên Giang (VnSAT).	toàn tỉnh	2015-2022	2731/QĐ-UBND, ngày 10/11/2015; 1100/QĐ-UBND, ngày 15/5/2019; 462/QĐ-UBND ngày 25/02/2021 của UBND tỉnh;	338.551	49.050	104.550	13.621	44.000	44.000					
11	Tiểu dự án ĐTXD cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản huyện An Minh, An Biên - thuộc dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) - 09 cống.	huyện An Biên, An Minh	2017-2021	1044/QĐ-UBND, 06/5/2016; 473/QĐ-UBND, 04/3/2019 của UBND tỉnh;	736.800	109.373		34.000	75.000	75.000					
12	Công trình hệ thống thủy lợi phục vụ Nuôi trồng thủy sản vùng Vàm Răng - Ba Hòn, tỉnh Kiên Giang	huyện Hòn Đất - Kiên Lương	2007-2021	1243/QĐ-UBND, 09/7/2007; 3115/QĐ-UBND, 14/12/2009; 3053/QĐ-UBND, 27/12/2013; 832/QĐ-UBND, 27/4/2015; 210/QĐ-UBND, 23/01/2017; 2792/QĐ-UBND, 08/12/2020 của UBND tỉnh.	559.348	5.400	557.126	3.178	2.222	2.222					
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**881.492**	**0**	**0**	**0**	**448.085**	**448.085**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước thô liên huyện: An Biên, An Minh, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận	các huyện: An Biên, An Minh, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, Gò Quao	2022-2025	36/NQ-HĐND, ngày 14/11/2012 của HĐND tỉnh;	881.492				448.085	448.085					
II	**Sở Giao thông vận tải**				**6.366.947**	**4.801.147**	**1.131.167**	**944.097**	**3.154.328**	**924.520**	**1.343.808**	**886.000**	**0**	**0**	

Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư: Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư: Trong đó: ngân sách tỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Trong đó: ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Trong đó: Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**3.476.306**	**3.210.506**	**1.118.861**	**931.791**	**2.247.708**	**196.900**	**1.164.808**	**886.000**	**0**	**0**	
1	Cải tạo, nâng cấp Đường vào khu căn cứ Tỉnh ủy ở U Minh Thượng.	huyện U Minh Thượng	2019-2022	2511/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	125.000	125.000	34.115	34.115	90.900			90.900			
2	Dự án nâng cấp đường Thứ 2 đến Công Sự, huyện An Biên và U Minh Thượng.	các huyện: An Biên, U Minh Thượng	2019-2023	2272/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017; 1214/QĐ-UBND, ngày 29/5/2019 của UBND tỉnh; (277.849 trđ)	199.999	199.999	136.698	136.698	141.000			141.000			
3	Đầu tư xây dựng đường tỉnh ĐT.964; hạng mục xd cầu; huyện An Biên, An Minh	các huyện: An Biên, An Minh	2019-2021	2689/QĐ-UBND, ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh;	63.307	63.307	30.404	30.404	32.900			32.900			
4	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh ĐT.963B (đoạn Bến Nhứt - Giồng Riềng)	huyện Giồng Riềng	2018-2021	số 2411/QĐ-UBND, ngày 30/10/2018; số 697/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh;	133.759	133.759	86.000	86.000	28.100	28.100					
5	Cải tạo nâng cấp cầu Hùng Vương, Thành phố Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc	2019-2021	số 1798/QĐ-UBND, 09/8/2019; số 1451/QĐ-UBND ngày 16/6/2021 của UBND tỉnh;	49.995	49.995	28.200	28.200	21.700	21.700					
6	Cầu Mỹ Thái (vượt kênh Rạch Giá - Hà Tiên)	huyện Hòn Đất	2019-2022	2515/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	79.543	79.543	20.000	20.000	59.500			59.500			
7	Dự án đầu tư xây dựng công trình cảng hành khách Rạch Giá, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	thành phố Rạch Giá	2019-2023	2233/QĐ-UBND, ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh;	409.993	409.993	125.000	125.000	284.900		284.900				
8	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường Dương Đông - Cửa Cạn - Gành Dầu và xây dựng mới nhánh nối với đường trục Nam - Bắc	Thành phố Phú Quốc	2019-2023	1752/QĐ-UBND, ngày 02/8/2019; 2803/QĐ-UBND, 10/12/2019 của UBND tỉnh;	919.628	919.628	210.000	210.000	709.908		709.908				
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến quốc lộ 61 đoạn Km88+774 (nút giao QL.63 thị trấn Minh Lương, Châu Thành) đến Km96+074 (nút giao Rạch Sỏi, QL.80, thành phố Rạch Giá)	huyện Châu Thành và thành phố Rạch Giá	2019-2023	2512/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	150.000	150.000	40.187	40.187	20.800	20.800					
10	Đường ven sông Cái Lớn (đi qua huyện An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận và một phần huyện Gò Quao)	các huyện: An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, Gò Quao.	2017-2022	63/HĐND-VP, 29/3/2017; số 528/NQ-HĐND ngày 23/12/2020; số 17/NQ-HĐND ngày 06/10/2021 của HĐND tỉnh;	392.122	126.322	187.070		126.300	126.300					
11	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường ven biển từ Rạch Giá đi Hòn Đất	thành phố Rạch Giá và huyện Hòn Đất	2019-2023	2232/QĐ-UBND, ngày 30/9/2019; 2499/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	952.960	952.960	221.187	221.187	731.700		170.000	561.700			

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư: Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư: Trong đó: ngân sách tỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Trong đó: ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Trong đó: Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**2.890.641**	**1.590.641**	**12.306**	**12.306**	**906.620**	**727.620**	**179.000**	**0**	**0**	**0**	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường 3/2 nối dài (đường bộ ven biển tỉnh Kiên Giang - đoạn qua địa bàn thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành)	thành phố Rạch Giá và huyện Châu Thành	2019-2023	2070/QĐ-UBND, ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh; số 22/NQ-HĐND, 06/10/2021 của HĐND tỉnh;	1.410.719	1.410.719	12.306	12.306	717.620	717.620					
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển từ Hòn Đất đi Kiên Lương	các huyện: Hòn Đất, Kiên Lương	2021-2024	số 495/NQ-HĐND, 11/11/2020 của HĐND tỉnh; số 2247/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh; số 38/NQ-HĐND, 14/11/2021 của HĐND tỉnh;	1.479.922	179.922			179.000		179.000				
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình đường bộ ven biển kết nối tỉnh Kiên Giang với tỉnh Cà Mau	các huyện: An Biên, An Minh		số 538/QĐ-SGTVT ngày 07/12/2021 của Sở Giao thông vận tải;					6.000	6.000					
4	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT.963 đoạn Quốc lộ 80 - Vị Thanh qua huyện Tân Hiệp và huyện Giồng Riềng	các huyện: Tân Hiệp, Giồng Riềng		số 539/QĐ-SGTVT ngày 07/12/2021 của Sở Giao thông vận tải;					4.000	4.000					
III	**Sở Y tế**				**7.870.294**	**4.625.422**	**5.390.963**	**2.691.148**	**1.819.974**	**0**	**0**	**1.819.974**	**0**	**0**	
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**7.840.299**	**4.595.427**	**5.390.963**	**2.691.148**	**1.789.979**	**0**	**0**	**1.789.979**	**0**	**0**	
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Kiên Giang - quy mô 1020 giường	thành phố Rạch Giá	2016-2020	2236/QĐ-UBND, ngày 29/10/2014; 2010/QĐ-UBND, ngày 25/9/2017; 2247/QĐ-UBND, ngày 01/10/2019; 2664/QĐ-UBND, ngày 21/11/2019; 2958/QĐ-UBND, ngày 02/12/2021 của UBND tỉnh;	4.113.078	1.890.000	3.291.860	1.380.660	509.000			509.000			
1	Trung tâm Y tế huyện Giang Thành	huyện Giang Thành	2022-2024	2280/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017 của UBND tỉnh; 30/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 của HĐND tỉnh	235.606	235.606	38	38	235.500			235.500			
2	Trung tâm Y tế huyện U Minh Thượng	huyện U Minh Thượng	2018-2020	số 2279/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017; số 1126/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh; 31/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 của HĐND tỉnh	251.700	251.700	2.661	2.661	249.000			249.000			
3	Bệnh viện Ung bướu tỉnh Kiên Giang, quy mô 400 giường.	thành phố Rạch Giá	2019-2023	2433/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh;	761.195	761.195	296.507	296.507	464.688			464.688			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư: Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư: Trong đó: ngân sách tỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Trong đó: ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Trong đó: Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
4	Đầu tư phòng mổ kỹ thuật cao (HYBRID) cho bệnh viện đa khoa tỉnh Kiên Giang	thành phố Rạch Giá	2019-2021	2486/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	245.168	245.168	134.926	134.926	110.242			110.242			
5	Bệnh viện Sản Nhi	thành phố Rạch Giá	2015-2022	số 426/QĐ-UBND ngày 03/3/2015; số 1592/QĐ-UBND ngày 19/8/2020; số 1982/QĐ-UBND ngày 12/8/2021 của UBND tỉnh;	915.857	735.573	735.208	554.924	180.649			180.649			
6	Bệnh viện Lao tỉnh	thành phố Rạch Giá	2010-2020	68/QĐ-UBND, 10/01/2011; 1115/QĐ-UBND, 12/5/2016; 1065/QĐ-UBND, 12/5/2017 của UBND tỉnh;	329.134	205.369	312.239	188.474	900			900			
7	Bệnh viện Tâm thần	thành phố Rạch Giá	2010-2020	67/QĐ-UBND, 10/01/2011; 2629/QĐ-UBND, 04/12/2017 của UBND tỉnh;	166.192	104.296	120.100	58.150	25.000			25.000			
8	Bệnh viện Ung bướu	thành phố Rạch Giá	2011-2017	2085/QĐ-UBND, 22/9/2011; 212/QĐ-UBND, 23/01/2017 của UBND tỉnh;	822.369	166.520	497.424	74.808	15.000			15.000			
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**29.995**	**29.995**	**0**	**0**	**29.995**	**0**	**0**	**29.995**	**0**	**0**	
1	Cải tạo, sửa chữa, mua sắm thiết bị Trung tâm Y tế thành phố Phú Quốc	thành phố Phú Quốc	2021-2023	số 162/QĐ-BQLKKTPQ ngày 28 tháng 7 năm 2021 của BQL khu kinh tế Phú Quốc;	29.995	29.995			29.995			29.995			
IV	**Sở Giáo dục và Đào tạo**				**668.845**	**609.759**	**0**	**0**	**605.574**	**0**	**0**	**605.574**	**0**	**0**	
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**56.271**	**4.185**	**0**	**0**	**4.185**	**0**	**0**	**4.185**	**0**	**0**	
1	Dự án đầu tư xây dựng các phòng học Mầm non và Tiểu học tỉnh Kiên Giang	toàn tỉnh		số 2270/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; số 2114/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND tỉnh;	56.271	4.185			4.185			4.185			tất toán (2348/TTr-SGDĐT, 22/9/2021 của Sở GD&ĐT)
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**612.574**	**605.574**	**0**	**0**	**601.389**	**0**	**0**	**601.389**	**0**	**0**	
1	Trường Phổ thông cơ sở Hòn Nghệ, huyện Kiên Lương	xã Hòn Nghệ, huyện Kiên Lương	2021-2022	418/QĐ-SKHĐT, ngày 24/12/2020 của Sở KH&ĐT;	14.000	7.000			7.000			7.000			
2	Trường Trung học phổ thông An Minh	thị trấn Thứ 11, huyện An Minh	2021-2023	3161/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh;	20.000	20.000			20.000			20.000			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư: Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư: Trong đó: ngân sách tỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Trong đó: ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Trong đó: Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3	Đầu tư xây dựng công trình Trường Trung học phổ thông Phú Quốc	phường Dương Đông, TP Phú Quốc	2022-2024	545/NQ-HĐND, ngày 14/01/2021 của HĐND tỉnh;	42.000	42.000			37.815			37.815			
4	Trường Trung học phổ thông Dương Đông	phường Dương Đông, TP Phú Quốc	2021-2023	3049/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh;	29.900	29.900			29.900			29.900			
5	Trường Trung học phổ thông An Thới	phường An Thới, T.P Phú Quốc	2021-2023	3043/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh;	29.995	29.995			29.995			29.995			
6	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vĩnh Thắng	xã Vĩnh Thắng, huyện Gò Quao	2021-2023	3041/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh;	24.000	24.000			24.000			24.000			
7	Trường Trung học cơ sở Định Hòa	xã Định Hòa, huyện Gò Quao	2021-2022	3042/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh;	13.315	13.315			13.315			13.315			
8	Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Hà Tiên	phường Pháo Đài, thành phố Hà Tiên	2021-2023	3047/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh;	26.000	26.000			26.000			26.000			
9	Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở Châu Thành	thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành	2021-2023	3046/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh;	14.000	14.000			14.000			14.000			
10	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Văn Xiện	xã Tân Thạnh, huyện An Minh	2021-2023	3048/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh;	21.000	21.000			21.000			21.000			
11	Trường Trung học phổ thông An Biên	huyện An Biên	2021-2023	3050/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh;	19.000	19.000			19.000			19.000			
12	Trường phổ thông Dân tộc nội trú Trung học phổ thông Kiên Giang	phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá	2023-2025	3212/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	16.853	16.853			16.853			16.853			
13	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở thị trấn Vĩnh Thuận	thị trấn Vĩnh Thuận, huyện Vĩnh Thuận	2022-2024	239/QĐ-SKHĐT ngày 13/8/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	14.980	14.980			14.980			14.980			
14	Trường Tiểu học Phạm Văn Hớn, huyện U Minh Thượng	xã An Minh Bắc, huyện U Minh Thượng	2022-2024	3212/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	16.500	16.500			16.500			16.500			
15	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Minh Thuận	xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng	2022-2024	3212/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	14.980	14.980			14.980			14.980			

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư: Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư: Trong đó: ngân sách tỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Trong đó: ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Trong đó: Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
16	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vĩnh Hòa	xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng	2022-2024	3212/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	16.000	16.000			16.000			16.000			
17	Trường trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vĩnh Hòa Hưng Bắc	xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc, huyện Gò Quao	2022-2024	3212/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	14.700	14.700			14.700			14.700			
18	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang	phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá	2021-2023	3212/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	8.000	8.000			8.000			8.000			
19	Trường Tiểu học Phú Lợi	xã Phú Lợi, huyện Giang Thành	2021-2022	số 216/QĐ-SKHĐT ngày 15/7/2021 của Sở KHĐT;	14.980	14.980			14.980			14.980			
20	Trường Trung học phổ thông Cây Dương	xã Tân Thành, huyện Tân Hiệp	2021-2023	3044/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh;	18.000	18.000			18.000			18.000			
21	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Vĩnh Phong	xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Thuận	2022-2024	3212/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	12.000	12.000			12.000			12.000			
22	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trường Tộ	thành phố Rạch Giá	2022-2024	785/QĐ-UBND ngày 19/3/2021 của UBND tỉnh;	29.999	29.999			29.999			29.999			
23	Trường Trung học cơ sở Đông Hồ	thành phố Hà Tiên	2023-2025	Số 3209/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	29.500	29.500			29.500			29.500			
24	Trường Trung học phổ thông Thoại Ngọc Hầu	xã Tân Khánh Hòa, huyện Giang Thành	2023-2025	Số 3209/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	14.795	14.795			14.795			14.795			
25	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Bình Sơn, huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất	2022-2024	Số 3209/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	21.500	21.500			21.500			21.500			
26	Trường Trung học phổ thông Thạnh Đông	huyện Tân Hiệp	2023-2025	Số 3209/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	18.104	18.104			18.104			18.104			
27	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Nguyễn Hùng Hiệp, huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất	2023-2025	Số 3209/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	18.666	18.666			18.666			18.666			
28	Trường Trung học phổ thông Giồng Riềng	huyện Giồng Riềng	2023-2025	Số 3209/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	19.418	19.418			19.418			19.418			

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư: Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư: Trong đó: ngân sách tỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Trong đó: ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Trong đó: Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
29	Xây dựng mới 06 phòng học và cải tạo, sửa chữa 12 phòng học Trường Tiểu học thị trấn Giồng Riềng 1; xây dựng mới 06 phòng học Trường Trung học cơ sở Mai Thị Hồng Hạnh, huyện Giồng Riềng.	huyện Giồng Riềng	2022-2024	Số 3209/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	10.642	10.642			10.642			10.642			
30	Trường Trung học phổ thông Kiên Lương	huyện Kiên Lương	2023-2025	Số 3209/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	24.971	24.971			24.971			24.971			
31	Trường Tiểu học thị trấn Kiên Lương 1	huyện Kiên Lương	2023-2025	Số 3209/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	11.932	11.932			11.932			11.932			
32	Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Phan Thị Ràng, huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất	2023-2025	Số 3209/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;	12.844	12.844			12.844			12.844			
V	**Sở Lao động-Thương binh và Xã hội**				**242.484**	**242.484**	**56.365**	**56.365**	**182.571**	**5.000**	**0**	**177.571**	**0**	**0**	
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**95.244**	**95.244**	**56.365**	**56.365**	**35.141**	**0**	**0**	**35.141**	**0**	**0**	
1	Trường Trung cấp Kỹ thuật - Nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang	thành phố Rạch Giá	2019-2021	2435/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh;	25.000	25.000	9.000	9.000	16.000			16.000			
2	Đầu tư mua sắm thiết bị nâng cao năng lực đào tạo cho các trường trung cấp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang	tỉnh Kiên Giang	2019-2021	2487/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;;	35.000	35.000	25.000	25.000	10.000			10.000			
3	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sĩ huyện An Minh	huyện An Minh	2019-2020	334/QĐ-SKHĐT, 29/10/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	7.000	7.000	4.600	4.600	320			320			
4	Cải tạo, nâng cấp Nghĩa trang Liệt sĩ xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao	xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao	2019-2020	338/QĐ-SKHĐT, 30/10/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	3.000	3.000	2.100	2.100	46			46			thanh toán quyết toán
5	Chỉnh trang cơ sở hạ tầng khu từ trần thuộc nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Kiên Giang; HM: tường rào bao quanh, nhà vệ sinh, xây sẵn hộc mộ, san lấp mặt bằng, hệ thống giao thông, thoát nước, hệ thống cấp điện chiếu sáng và cây xanh.	thành phố Rạch Giá	2016-2017	380/QĐ-SKHĐT, 26/10/2015 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	14.894	14.894	12.665	12.665	775			775			thanh toán quyết toán
6	Nghĩa trang Liệt sĩ Cây Bàng	xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng	2019-2020	339/QĐ-SKHĐT, 30/10/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	10.350	10.350	3.000	3.000	8.000			8.000			
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**147.240**	**147.240**	**0**	**0**	**147.430**	**5.000**	**0**	**142.430**	**0**	**0**	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư: Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư: Trong đó: ngân sách tỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Trong đó: ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Trong đó: Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Nâng cấp, cải tạo Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú tỉnh Kiên Giang	xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng	2021-2024	544/NQ-HĐND, ngày 14/01/2021 của HĐND tỉnh;	55.000	55.000			55.000			55.000			
2	Cải tạo, xây mới, mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp kỹ thuật nghiệp vụ tỉnh Kiên Giang	thành phố Rạch Giá	2021-2023	số 1062/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh;	20.000	20.000			20.000			20.000			
3	Sửa chữa, cải tạo Ký túc xá và mua sắm thiết bị Trường Trung cấp Việt - Hàn Phú Quốc	thành phố Phú Quốc	2021-2023	số 1062/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh;	5.420	5.420			5.420			5.420			
4	Cải tạo, sửa chữa, xây mới và mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp nghề Vùng Tứ Giác Long Xuyên	huyện Kiên Lương	2021-2023	số 1062/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh;	14.980	14.980			14.980			14.980			
5	Xây dựng mới dãy 03 phòng học và mua sắm thiết bị dạy nghề Trường Trung cấp nghề Tân Hiệp	huyện Tân Hiệp	2021-2023	số 1062/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh;	5.000	5.000			5.000			5.000			
6	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Gò Quao	huyện Gò Quao	2021-2023	số 1062/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh;	14.000	14.000			14.190			14.190			
7	Sửa chữa, cải tạo Nghĩa trang Liệt sĩ thành phố Hà Tiên	thành phố Hà Tiên	2021-2023	số 1062/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh;	10.150	10.150			10.150			10.150			
8	Nâng cấp, cải tạo mộ Nghĩa trang Liệt sĩ huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất	2021-2023	số 1062/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh;	10.030	10.030			10.030			10.030			
9	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở xây mới dãy 06 phòng học và mua sắm thiết bị trung tâm dịc vụ việc làm tỉnh Kiên Giang	thành phố Rạch Giá	2021-2023	số 1062/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh;	7.660	7.660			7.660			7.660			
10	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Lao động - Thương binh và xã hội Kiên Giang (giai đoạn 2)	thành phố Rạch Giá	2021-2023	số 1062/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của UBND tỉnh;	5.000	5.000			5.000	5.000					
VI	**Sở Văn hóa và Thể thao**				**796.533**	**511.533**	**177.190**	**115.424**	**392.224**	**104.346**	**0**	**287.878**	**0**	**0**	
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**298.424**	**213.424**	**176.466**	**114.700**	**98.724**	**14.846**	**0**	**83.878**	**0**	**0**	
1	Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	thành phố Rạch Giá	2017-2022	2283/QĐ-UBND, ngày 30/10/2017; 1051/QĐ-UBND, ngày 328/4/2020; 944/QĐ-UBND ngày 09/4/2021 của UBND tỉnh;	130.000	50.000	71.375	14.609	35.391			35.391			

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư: Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư: Trong đó: ngân sách tỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Trong đó: ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Trong đó: Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa tỉnh giai đoạn 2016-2020	thành phố Rạch Giá	2019-2022	2434/QĐ-UBND, ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh;	49.616	49.616	1.129	1.129	48.487			48.487			
3	Dự án bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa.	toàn tỉnh	2017-2021	số 2282/QĐ-UBND, 30/10/2017; số 1722/QĐ-UBND, 12/7/2021 của UBND tỉnh;	36.000	36.000	24.650	24.650	11.350	11.350					
4	Bảo tồn và phát triển ấp văn hóa truyền thống dân tộc Khmer	huyện Châu Thành	2010-2021	1856, 24/8/2010; 1167, 18/5/2018; 3205, 30/10/2020;	8.873	8.873	8.114	8.114	759	759					
5	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện An Minh	huyện An Minh	2013-2015	số 1630/QĐ-UBND ngày 26/6/2013; số 2965/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh;	28.972	23.972	27.534	22.534	1.438	1.438					Trả nợ quyết toán (số 1153/TTr-SVHTT, 13/9/2021)
6	Thư viện tổng hợp tỉnh	thành phố Rạch Giá	2014-2019	số 1873/QĐ-UBND ngày 01/10/2007; số 2240/QĐ-UBND ngày 29/10/2014; số 996/QĐ-UBND ngày 24/4/2018; số 2521/QĐ-UBND ngày 31/10/2019;	44.963	44.963	43.664	43.664	1.299	1.299					Trả nợ quyết toán (số 1153/TTr-SVHTT, 13/9/2021)
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**498.109**	**298.109**	**724**	**724**	**293.500**	**89.500**	**0**	**204.000**	**0**	**0**	
1	Đầu tư xây dựng quảng trường trung tâm và tượng đài Bác Hồ tại phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	thành phố Phú Quốc	2021-2025	211/TB-HĐND, 17/9/2015; 548/NQ-HĐND, ngày 14/01/2021 của HĐND tỉnh;	353.809	153.809	724	724	153.000			153.000			
2	Dự án Cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc Sở Văn hoá, Thể thao tỉnh Kiên Giang; Hàng rào bảo vệ khuôn viên Công viên văn hóa An Hòa.	phường An Hòa, thành phố Rạch Giá	2021-2023	Số 249/QĐ-SKHĐT ngày 13/9/2021 của Sở KH&ĐT;	9.500	9.500			9.500	9.500					
3	Dự án Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử và thắng cảnh Ba Hòn, huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất	2021-2023	Số 894/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh;	5.000	5.000			5.000			5.000			
4	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện Giang Thành	huyện Giang Thành	2022-2023	Số 894/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh;	23.000	23.000			23.000			23.000			
5	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện U Minh Thượng	huyện U Minh Thượng	2022-2023	Số 894/QĐ-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh;	23.000	23.000			23.000			23.000			
6	Đầu tư hệ thống nội thất và thiết bị trưng bày công trình Trung tâm triển lãm văn hóa nghệ thuật và bảo tồn di sản Văn hóa tỉnh	thành phố Rạch Giá	2022-2025	số 34/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 của HĐND tỉnh;	83.800	83.800			80.000	80.000					
VII	**Các trường cao đẳng**				**94.415**	**94.415**	**0**	**0**	**124.408**	**0**	**0**	**124.408**	**0**	**0**	

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh					Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**0**	**0**	**0**	**0**	**0**					**0**	
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**94.415**	**94.415**	**0**	**0**	**124.408**	**0**	**0**	**124.408**	**0**	**0**	
1	Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Sư phạm Kiên Giang, giai đoạn 2021-2025.	thành phố Rạch Giá	2021-2022	số 230/QĐ-SKHĐT ngày 28/7/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	14.990	14.990			14.998			14.998			
2	Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Kiên Giang; hạng mục: xây dựng mới phòng học, giảng đường, phòng làm việc và mua sắm thiết bị.	số 217 đường Chu văn An, thành phố Rạch Giá	2021-2023	2448/QĐ-UBND, 15/10/2020 của UBND tỉnh;					29.985			29.985			
3	Đầu tư xây dựng Trường Cao đẳng Kiên Giang; hạng mục: Cải tạo, sửa chữa và mua sắm thiết bị.	đường Mạc Cửu và Tô Hiến Thành, thành phố Rạch Giá	2021-2023	2448/QĐ-UBND, 15/10/2020 của UBND tỉnh;	29.990	29.990			29.990			29.990			
4	Xây dựng, sửa chữa Trường Cao đẳng Nghề Kiên Giang	phường An Hòa, thành phố Rạch Giá	2021-2024	543/NQ-HĐND, ngày 14/01/2021 của HĐND tỉnh;	49.435	49.435			49.435			49.435			
VIII	**Sở Thông tin và Truyền thông**				**55.805**	**55.805**	**0**	**0**	**55.805**	**55.805**	**0**	**0**	**0**	**0**	
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**					
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**55.805**	**55.805**	**0**	**0**	**55.805**	**55.805**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	Dự án đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.	145 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh;	2021-2023	3039/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh;	29.900	29.900			29.900	29.900					
2	Đầu tư mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh.	Thành phố Rạch Giá	2021-2023	2944/QĐ-UBND ngày 23/12/2020 của UBND tỉnh;	2.000	2.000			2.000	2.000					
3	Đầu tư xây dựng cổng dữ liệu số của các cơ quan nhà nước tỉnh Kiên Giang.	thành phố Rạch Giá	2021-2023	Số 920/QĐ-UBND ngày 07/4/2021 của UBND tỉnh;	14.906	14.906			14.906	14.906					
4	Dự án xây dựng hệ thống Tổng đài tự động phục vụ người dân, doanh nghiệp trên trên Cổng dịch vụ công tỉnh Kiên Giang.	thành phố Rạch Giá (Sở Thông tin truyền thông)	2021-2023	số 2209/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh;	8.999	8.999			8.999	8.999					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư: Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư: Trong đó: ngân sách tỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Trong đó: ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Trong đó: Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
IX	**Sở Tài nguyên và Môi trường**				**833.750**	**412.903**	**287.288**	**287.288**	**475.392**	**35.392**	**440.000**	**0**	**0**	**0**	
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**808.750**	**387.903**	**287.288**	**287.288**	**450.392**	**10.392**	**440.000**	**0**	**0**	**0**	
1	Dự án cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh	toàn tỉnh	2015-2022	2328/QĐ-UBND, ngày 01/10/2013; 2212/QĐ-UBND, ngày 23/10/2017 của UBND tỉnh;	755.022	377.511	287.288	287.288	440.000		440.000				
2	Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (bố trí vốn đối ứng ODA)	thành phố: Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc; huyện: Tân Hiệp, Giồng Riềng, Châu Thành.	2017-2022	1236/QĐ-BTNMT, ngày 30/5/2016 của Bộ Tài nguyên Môi trường; 930/QĐ-TTg, 30/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ; 2108/QĐ-UBND ngày 20/9/2016 của UBND tỉnh;	53.728	10.392			10.392	10.392					
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**25.000**	**25.000**	**0**	**0**	**25.000**	**25.000**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	Xây dựng trụ sở các chi nhánh trực thuộc văn phòng đăng ký đất đai tỉnh: Giang Thành, Châu Thành, Gò Quao, U Minh Thượng, Hà Tiên, Giồng Riềng, Tân Hiệp.	các huyện: Giang Thành, Châu Thành, Gò Quao, U Minh Thượng, Giồng Riềng, Tân Hiệp và thành phố Hà Tiên.	2021-2023	2642/QĐ-UBND, 16/11/2020 của UBND tỉnh;	25.000	25.000			25.000	25.000					
X	**Hội Chữ thập đỏ tỉnh**				**0**	**0**	**0**	**0**	**5.101**	**5.101**	**0**	**0**	**0**	**0**	
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**0**	**0**	**0**	**0**	**0**						
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**								**5.101**	**5.101**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	Xây dựng trụ sở Hội Chữ thập đỏ tỉnh			số 2702/QĐ-UBND ngày 05/11/2021 của UBND tỉnh;	5.101	5.101			5.101	5.101					
XI	**Sở Du lịch**				**237.913**	**210.913**	**93.037**	**66.037**	**142.800**	**28.000**	**114.800**	**0**	**0**	**0**	
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**237.913**	**210.913**	**93.037**	**66.037**	**142.800**	**28.000**	**114.800**	**0**	**0**	**0**	
1	Đường vào khu du lịch Ba Hòn (cây xăng Bình Phân - mộ Chị Sứ)	huyện Hòn Đất	2019-2022	2505/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	59.453	59.453	18.184	18.184	41.200		41.200				

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư: Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư: Trong đó: ngân sách tỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Trong đó: ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Trong đó: Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2	Nâng cấp, mở rộng đường trục chính vào điểm du lịch Cây Gòn (đoạn Cây Gòn - kênh 14)	huyện U Minh Thượng	2019-2021	2503/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	38.000	38.000	15.000	15.000	23.000		23.000				
3	Nâng cấp, mở rộng đường quanh núi Hòn Me (đoạn đường trên thân đê + đoạn từ UBND xã Thổ Sơn đến ngã ba cống Hòn Quéo)	huyện Hòn Đất	2019-2022	2496/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 703/QĐ-UBND ngày 18/3/2021 của UBND tỉnh;	59.869	59.869	388	388	58.600	8.000	50.600				
4	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu Du tích lịch sử thắng cảnh núi Mo So và Hồ Hoa Mai.	huyện Kiên Lương và huyện U Minh Thượng	2016-2021	695/QĐ-UBND ngày 28/3/2016; số 1959/QĐ-UBND ngày 31/8/2016; số 2438/QĐ-UBND ngày 23/10/2019; số 1245/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh;	80.591	53.591	59.465	32.465	20.000	20.000					
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				0	0	0	0	0	0					
XII	**Sở Kế hoạch và Đầu tư**				**73.377**	**73.377**	**11.885**	**11.885**	**61.492**	**0**	**61.492**	**0**	**0**	**0**	
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**73.377**	**73.377**	**11.885**	**11.885**	**61.492**	**0**	**61.492**	**0**	**0**	**0**	
1	Chi phí lập Quy hoạch tỉnh Kiên Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó:	toàn tỉnh	2019-2021	2272/QĐ-UBND, ngày 28/9/2020 của UBND tỉnh;	73.377	73.377	11.885	11.885	61.492	0	61.492	0	0	0	
	- Sở Kế hoạch và Đầu tư quản lý					*72.160*	*11.635*	*11.635*	60.525		*60.525*				
	- Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý					*1.217*	*250*	*250*	967		*967*				
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				0	0	0	0	0	0					
XIII	**Sở Nội vụ**				**12.572**	**12.572**	**0**	**0**	**12.572**	**12.572**	**0**	**0**	**0**	**0**	
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				0	0	0	0	0	0					
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**12.572**	**12.572**	**0**	**0**	**12.572**	**12.572**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	Sửa chữa kho lưu trữ chuyên dụng thuộc Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang	phường An Hòa - thành phố Rạch Giá	2020-2022	386/QĐ-SKHĐT, ngày 11/12/2020 của Sở KH&ĐT.	4.014	4.014			4.014	4.014					

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư: Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư: Trong đó: ngân sách tỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Trong đó: ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Trong đó: Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Cải tạo, mở rộng Sở Nội vụ tỉnh Kiên Giang	thành phố Rạch Giá		số 2736/QĐ-UBND, 10/11/2020 của UBND tỉnh;	8.558	8.558			8.558	8.558					
XIV	**Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh**				**69.815**	**69.815**	**3.355**	**3.355**	**66.770**	**46.770**	**0**	**20.000**	**0**	**0**	
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**5.880**	**5.880**	**3.355**	**3.355**	**2.520**	**2.520**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang; Hạng mục: xây dựng mới nhà ở Đại đội Thiết giáp.	thành phố Rạch Giá	2020-2021	391/QĐ-SKHĐT, ngày 30/10/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	5.880	5.880	3.355	3.355	2.520	2.520					
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**63.935**	**63.935**	**0**	**0**	**64.250**	**44.250**	**0**	**20.000**	**0**	**0**	
1	Bệnh xá Quân y tỉnh Kiên Giang (Giai đoạn 2)	thành phố Rạch Giá	2022-2024	2231/QĐ-UBND, 21/9/2020 của UBND tỉnh;	20.000	20.000			20.000			20.000			
2	Cải tạo, sửa chữa và xây dựng mới khu kỹ thuật Đại đội kho vũ khí/Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Kiên Giang.	xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng	2021-2023	số 229/QĐ-SKHĐT ngày 28/7/2021 của Sở KH&ĐT;	12.000	12.000			12.000	12.000					
3	Cải tạo, nâng cấp Ban chỉ huy Quân sự huyện Kiên Hải	huyện Kiên Hải	2021-2023	Số 55/QĐ-SKHĐT ngày 24/02/2021 của Sở KH&ĐT	5.000	5.000			5.000	5.000					
4	Xây dựng trạm sửa chữa tổng hợp do Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý	thành phố Rạch Giá	2021-2023	Số 253/QĐ-SKHĐT ngày 13/9/2021 của Sở KH&ĐT;	14.992	14.992			15.000	15.000					
5	Đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phục vụ nhiệm vụ quốc phòng và quân sự địa phương	toàn tỉnh	2021-2023	42//QĐ-SKHĐT, ngày 24/12/2020 của Sở KH&ĐT;	10.000	10.000			10.000	10.000					
6	Đầu tư mua sắm thiết bị chốt dân quân do Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh quản lý.	huyện Giang Thành và thành phố Hà Tiên	2020-2022	số 117/QĐ-SKHĐT ngày 25/5/2021 của Sở KH&ĐT;	1.943	1.943			2.250	2.250					
XV	**Bộ Chỉ huy Biên Phòng tỉnh**				**294.352**	**294.352**	**9.500**	**9.500**	**285.793**	**285.793**	**0**	**0**	**0**	**0**	
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**72.800**	**72.800**	**9.500**	**9.500**	**63.300**	**63.300**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	Đồn Biên phòng Cửa khẩu cảng Hòn Chông	xã Bình An, huyện Kiên Lương	2020-2022	2529/QĐ-UBND, ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh;	60.000	60.000	2.000	2.000	58.000	58.000					
2	Trạm Kiểm soát Giang Thành	huyện Giang Thành	2020-2022	406/QĐ-SKHĐT, ngày 31/10/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	12.800	12.800	7.500	7.500	5.300	5.300					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư: Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư: Trong đó: ngân sách tỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Trong đó: ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Trong đó: Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**221.552**	**221.552**	**0**	**0**	**222.493**	**222.493**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	Đồn Biên phòng Vĩnh Điều (965)	xã Vĩnh Điều, huyện Giang Thành	2021-2022	số 91/QĐ-SKHĐT ngày 14/4/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	2.800	2.800			2.800	2.800					
2	Đồn Biên phòng Phú Mỹ (973)	xã Phú Mỹ, huyện Giang Thành	2021-2022	số 92/QĐ-SKHĐT ngày 14/4/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	5.256	5.256			6.000	6.000					
3	Trạm Kiểm soát Biên phòng Rạch Giá	phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá	2021-2022	số 267/QĐ-SKHĐT ngày 24/9/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	9.100	9.100			9.100	9.100					
4	Trạm Kiểm soát Biên phòng Kim Quy	xã Vân Khánh, huyện An Minh	2021-2022	số 82/QĐ-SKHĐT ngày 24/3/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	8.500	8.500			8.500	8.500					
5	Đồn Biên phòng Thổ Châu (770)	xã Thổ Châu, Thành phố Phú Quốc	2021-2022	68/QĐ-BQLKKTPQ, 26/4/2021 của BQL khu kinh tế Phú Quốc;	8.303	8.303			8.500	8.500					
6	Đồn Biên phòng Tiên Hải (738)	xã Tiên Hải, thành phố Hà Tiên	2022-2023	2587/QĐ-UBND, 11/11/2020 của UBND tỉnh;	5.200	5.200			5.200	5.200					
7	Trạm Kiểm soát Biên phòng Đồi Mồi	xã Tiên Hải, thành phố Hà Tiên	2021-2022	2587/QĐ-UBND, 11/11/2020 của UBND tỉnh;	12.000	12.000			12.000	12.000					
8	Trạm Kiểm soát Biên phòng Xẻo Nhàu	xã Tân Thạnh, huyện An Minh	2022-2024	2587/QĐ-UBND, 11/11/2020 của UBND tỉnh;	9.300	9.300			9.300	9.300					
9	Trạm Kiểm soát Biên phòng Kênh Cụt	phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá	2022-2024	2587/QĐ-UBND, 11/11/2020 của UBND tỉnh;	6.100	6.100			6.100	6.100					
10	Dự án nhà bia tưởng niệm các anh hùng Liệt sĩ bộ đội Biên phòng hy sinh trong chiến tranh bảo vệ tổ quốc biên giới Tây Nam 1977-1979 (tiền thân lực lượng Công an nhân dân vũ trang).	huyện Giang Thành	2022-2024	1898/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh;	25.000	25.000			25.000	25.000					
11	Dự án Đồn biên phòng Xẻo Nhàu	huyện An Minh	2021-2025	35/NQ-HĐND, ngày 14/11/2021 của HĐND tỉnh;	70.000	70.000			70.000	70.000					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư: Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư: Trong đó: ngân sách tỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Trong đó: ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Trong đó: Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
12	Hệ thống kiểm soát an ninh công nghệ cao cho 03 trạm kiểm soát biên phòng.	thành phố: Rạch Giá, Hà Tiên, Phú Quốc.	2021-2024	541/NQ-HĐND, ngày 14/01/2021 của HĐND tỉnh;	59.993	59.993			59.993	59.993					
XVI	**Công an tỉnh**				**188.200**	**188.200**	**0**	**0**	**188.200**	**188.200**	**0**	**0**	**0**	**0**	
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**					
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**188.200**	**188.200**	**0**	**0**	**188.200**	**188.200**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	Trụ sở làm việc Đội chữa cháy và CHCN khu vực U Minh Thượng (giai đoạn II) thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	huyện U Minh Thượng	2021-2022	1981/QĐ-UBND, 20/8/2020 của UBND tỉnh;	12.500	12.500			12.500	12.500					
2	Trụ sở làm việc Công an xã Lại Sơn, Vĩnh Phú (Giang Thành), Thổ Sơn, Bình Trị, An Minh Bắc, Mong Thọ A thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	các huyện: Kiên Hải, Giang Thành, Hòn Đất, Kiên Lương, U Minh Thượng, Châu Thành	2021-2022	số 404/QĐ-SKHĐT ngày 17/12/2020 của Sở KH&ĐT;	11.900	11.900			11.900	11.900					
3	Trụ sở làm việc Công an xã Thạnh Lộc, Nam Thái A, Đông Yên, Minh Thuận, Thạnh Yên, Vĩnh Phú (Giồng Riềng), Mỹ Lâm thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	các huyện: Châu Thành, An Biên, U Minh Thượng, Giồng Riềng, Hòn Đất.	2021-2022	số 405/QĐ-SKHĐT ngày 17/12/2020 của Sở KH&ĐT;	11.900	11.900			11.900	11.900					
4	Trụ sở làm việc Công an xã Hòa Điền, Ngọc Chúc, Thạnh Bình, Nam Thái, Đông Hưng A, Đông Hưng B và Nam Thái Sơn thuộc Công an tỉnh Kiên Giang	các huyện: Kiên Lương, Giồng Riềng, An Biên, An Minh, Hòn Đất	2022-2023	1981/QĐ-UBND, 20/8/2020 của UBND tỉnh;	12.750	12.750			12.750	12.750					
5	Trụ sở làm việc Công an xã Bình Giang, Vĩnh Hòa Hưng Nam, Vĩnh Hòa Hưng Bắc, Tân Thuận, Vĩnh Thuận, Tân Hội, Thạnh Đông B thuộc Công an tỉnh Kiên Giang.	các huyện: Hòn Đất, Gò Quao, Vĩnh Thuận, tân Hiệp	2022-2023	1981/QĐ-UBND, 20/8/2020 của UBND tỉnh;	12.750	12.750			12.750	12.750					
6	Trụ sở làm việc Đội chữa cháy và cứu hộ cứu nạn khu vực Phường Vĩnh Quang thuộc Công an tỉnh Kiên Giang.	thành phố Rạch Giá	2024-2025	1981/QĐ-UBND, 20/8/2020 của UBND tỉnh;	18.000	18.000			18.000	18.000					

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư: Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư: Tổng mức đầu tư: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư: Tổng mức đầu tư: Trong đó: ngân sách tỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Trong đó: ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: Trong đó: Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
7	Trụ sở làm việc công an các xã: Thạnh Phước, Bàn Tân Định, Vân Khánh Tây, Thuận Hòa, Vĩnh Bình Bắc, Vĩnh Thắng, Giục Tượng thuộc công an tỉnh Kiên Giang.	các huyện: Giồng Riềng, An Minh, Vĩnh Thuận, Gò Quao, Châu Thành.	2021-2023	236/QĐ-SKHĐT ngày 10/8/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	11.900	11.900			11.900	11.900					
8	Trụ sở làm việc công an các xã: Minh Hòa, Đông Hòa, Mong Thọ B, Thạnh Yên A, Vĩnh Phong, Sơn Kiên, Tân Thành thuộc công an tỉnh Kiên Giang.	các huyện: Châu Thành, An Minh, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, Hòn Đất, Tân Hiệp.	2021-2023	237/QĐ-SKHĐT ngày 10/8/2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	11.900	11.900			11.900	11.900					
9	Trụ sở làm việc công an các xã: Sơn Bình, Thạnh Đông, Tân Hiệp A, Thủy Liễu, Định An, Hòa Lợi, Ngọc Hòa thuộc công an tỉnh Kiên Giang.	các huyện: Hòn Đất, Tân Hiệp, Gò Quao, Giồng Riềng.	2021-2023	2763/QĐ-UBND, 03/12/2020 của UBND tỉnh;	11.900	11.900			11.900	11.900					
10	Trụ sở làm việc công an các xã: Đông Thạnh, Vĩnh Hòa Phú, Định Hòa, Hòa Thuận, Thạnh Hòa, Mỹ Thuận thuộc công an tỉnh Kiên Giang.	các huyện: An Minh, Châu Thành, Gò Quao, Giồng Riềng, Hòn Đất.	2022-2023	2763/QĐ-UBND, 03/12/2020 của UBND tỉnh;	10.200	10.200			10.200	10.200					
11	Trụ sở làm việc công an các xã: Tân An, Hòa An, Thạnh Đông A, Ngọc Thuận, Ngọc Thành, Mỹ Phước thuộc công an tỉnh Kiên Giang.	các huyện: Tân Hiệp, Giồng Riềng, Hòn Đất.	2022-2023	2763/QĐ-UBND, 03/12/2020 của UBND tỉnh;	10.200	10.200			10.200	10.200					
12	Trụ sở làm việc công an các xã: Vĩnh Hòa Hiệp, Bình An (Châu Thành), Đông Hưng, Hưng Yên, Long Thạnh, Tân Hiệp B, Bình An (Kiên Lương) thuộc công an tỉnh Kiên Giang.	các huyện: Châu Thành, An Minh, An Biên, Giồng Riềng, Tân Hiệp, Kiên Lương.	2024-2025	2763/QĐ-UBND, 03/12/2020 của UBND tỉnh;	11.900	11.900			11.900	11.900					
13	Trụ sở làm việc trạm công an kiểm soát giao thông đường thủy Tắc Cậu	xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành	2022-2024	số 2601/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh;	14.000	14.000			14.000	14.000					
14	Trụ sở làm việc đội chữa cháy và cứu nạn cứu hộ khu vực Tây Sông Hậu thuộc công an tỉnh Kiên Giang.	xã Long Thạnh, huyện Giồng Riềng	2022-2024	số 2601/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh;	26.400	26.400			26.400	26.400					
XVII	**Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang**				**51.494**	**51.494**	**0**	**0**	**51.494**	**35.000**	**0**	**16.494**	**0**	**0**	
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**0**	**0**	**0**	**0**	**0**						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư: Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư: Trong đó: ngân sách tỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Trong đó: ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Trong đó: Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**51.494**	**51.494**	**0**	**0**	**51.494**	**35.000**	**0**	**16.494**	**0**	**0**	
1	Đầu tư mua sắm trang thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất chương trình, truyền dẫn tín hiệu phát sóng phát thanh của Đài Phát thanh và Truyền hình Kiên Giang	thành phố Rạch Giá	2020-2022	số 3126/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh;	16.494	16.494			16.494			16.494			
2	Trang thiết bị kỹ thuật phục vụ sản xuất chương trình, quản lý, lưu trữ phát sóng truyền hình của Đài Phát thanh truyền hình Kiên Giang;	thành phố Rạch Giá	2022-2024	số 33/NQ-HĐND ngày 14/11/2021 của HĐND tỉnh;	35.000	35.000			35.000	35.000					
XVIII	**BQL Khu Kinh tế tỉnh**				**1.354**	**1.354**	**0**	**0**	**1.200**	**1.200**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	Thực hiện chuẩn bị đầu tư - Đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Thạnh Lộc giai đoạn 2	xã Thạnh Lộc, huyện Châu Thành		Quyết định dự toán chuẩn bị đầu tư số 60/QĐ-BQLKKT, ngày 01/02/2021 của BQL Khu kinh tế tỉnh;	467	467			400	400					Đang hoàn thiện thủ tục chủ trương đầu tư
2	Thực hiện chuẩn bị đầu tư- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Xẻo Rô.	xã Hưng Yên, huyện An Biên		Quyết định dự toán chuẩn bị đầu tư số 160/QĐ-BQLKKT, ngày 18/12/2020 của BQL Khu kinh tế tỉnh;	887	887			800	800					Đang hoàn thiện thủ tục chủ trương đầu tư
XIX	**Văn phòng Tỉnh ủy**				**223.165**	**195.355**	**72.072**	**72.072**	**123.223**	**58.323**	**64.900**	**0**	**0**	**0**	
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**165.742**	**137.932**	**72.072**	**72.072**	**65.800**	**900**	**64.900**	**0**	**0**	**0**	
1	Khu di tích căn cứ Tỉnh ủy thời kỳ chống Mỹ cứu nước (1954-1975) ở huyện U Minh Thượng	huyện U Minh Thượng	2020-2022	723/QĐ-UBND, ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh;	151.293	123.483	58.572	58.572	64.900		64.900				
2	Hội trường Huyện ủy Gò Quao	huyện Gò Quao	2019-2021	154/QĐ-SKHĐT, ngày 12/6/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư;	14.449	14.449	13.500	13.500	900	900					
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**57.423**	**57.423**	**0**	**0**	**57.423**	**57.423**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	Xây dựng mới kho Lưu Trữ lịch sử Đảng Tỉnh ủy	thành phố Rạch Giá	2021-2023	3157/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND tỉnh;	35.000	35.000			35.000	35.000					
2	Sửa chữa, cải tạo nhà công vụ Tỉnh ủy	thành phố Rạch Giá	2021-2023	417/QĐ-SKHĐT, ngày 24/12/2020 của Sở KH&ĐT;	3.400	3.400			3.400	3.400					

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh					Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3	Cải tạo sửa chữa nhà làm việc các ban Đảng Tỉnh ủy	thành phố Rạch Giá	2021-2023	2203/QĐ-UBND, 17/9/2020 của UBND tỉnh;	3.400	3.400			3.400	3.400					
4	Đầu tư hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến của cơ quan Đảng	Tỉnh ủy và 15 Huyện ủy, Thành ủy trực thuộc	2022-2023	số 2151/QĐ-UBND ngày 07/9/2021 của UBND tỉnh;	5.833	5.833			5.833	5.833					
5	Sửa chữa, cải tạo Nhà làm việc Huyện ủy Châu Thành	thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành	2022-2024	số 2600/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh;	9.790	9.790			9.790	9.790					
XX	**Văn phòng UBND tỉnh**				**18.012**	**18.012**	**0**	**0**	**18.010**	**18.010**	**0**	**0**	**0**	**0**	
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**														
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**18.012**	**18.012**	**0**	**0**	**18.010**	**18.010**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	Cải tạo, sửa chữa Nhà Khách thành phòng làm việc; khuôn viên phía trước trụ sở Văn phòng;	thành phố Rạch Giá	2020-2022	394/QĐ-SKHĐT, ngày 14/12/2020 của Sở KH&ĐT;	2.016	2.016			2.016	2.016					
2	Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang; hạng mục: cải tạo Nhà ở chốt cảnh sát bảo vệ và phòng máy chủ	thành phố Rạch Giá	2020-2022	395/QĐ-SKHĐT, ngày 14/12/2020 của Sở KH&ĐT;	999	999			999	999					
3	Cải tạo, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị Trung tâm phục vụ hành chính công thuộc Văn phòng UBND tỉnh Kiên Giang	thành phố Rạch Giá	2021-2023	số 395/QĐ-SKHĐT ngày 24/9/2021 của Sở KH&ĐT;	14.997	14.997			14.995	14.995					
XXI	**Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh**				**14.974**	**14.974**	**0**	**0**	**14.974**	**14.974**	**0**	**0**	**0**	**0**	
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**														
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**14.974**	**14.974**	**0**	**0**	**14.974**	**14.974**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	Dự án cải tạo sửa chữa trụ sở làm việc và các hạng mục phụ của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang'	Thành phố Rạch Giá	2021-2023	số 1970/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh;	14.974	14.974			14.974	14.974					
XXII	**Ban Dân tộc tỉnh**				**5.960**	**5.960**	**0**	**0**	**5.960**	**5.960**	**0**	**0**	**0**	**0**	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh					Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh				Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**														
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				5.960	5.960	0	0	5.960	5.960	0	0	0	0	
1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ban Dân tộc tỉnh	thành phố Rạch Giá	2022-2023	1538/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của UBND tỉnh;	5.960	5.960			5.960	5.960					
XXIII	**Chương trình hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà tình nghĩa, nhà người có công**			**số 32/NQ-HĐND, 14/11/2020 của HĐND tỉnh;**	0	0	0	0	**150.000**	0		**150.000**		**150.000**	
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**														
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**								**150.000**	0	0	**150.000**	0	**150.000**	
1	Thành phố Rạch Giá	thành phố Rạch Giá							3.700			3.700		3.700	
2	Thành phố Hà Tiên	thành phố Hà Tiên							1.000			1.000		1.000	
3	Huyện Giang Thành	huyện Giang Thành							950			950		950	
4	Huyện Kiên Lương	huyện Kiên Lương							1.950			1.950		1.950	
5	Huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất							5.590			5.590		5.590	
6	Huyện Châu Thành	huyện Châu Thành							2.430			2.430		2.430	
7	Huyện Tân Hiệp	huyện Tân Hiệp							4.540			4.540		4.540	
8	Huyện Giồng Riềng	huyện Giồng Riềng							27.050			27.050		27.050	
9	Huyện Gò Quao	huyện Gò Quao							23.110			23.110		23.110	
10	Huyện An Biên	huyện An Biên							6.090			6.090		6.090	
11	Huyện An Minh	huyện An Minh							26.840			26.840		26.840	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh					Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh				Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
12	Huyện U Minh Thượng	huyện U Minh Thượng							25.100			25.100		25.100	
13	Huyện Vĩnh Thuận	huyện Vĩnh Thuận							18.290			18.290		18.290	
14	Thành phố Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc							2.860			2.860		2.860	
15	Huyện Kiên Hải	huyện Kiên Hải							500			500		500	
XXIV	**Công trình trọng điểm, có tính chất liên kết vùng, thúc đẩy phát triển Kinh tế - Xã hội; công trình 2016-2020 chuyển tiếp sang 2021-2025 tỉnh hỗ trợ huyện đầu tư.**				**2.390.042**	**1.351.042**	**806.965**	**367.238**	**944.646**	**316.999**	**275.000**	**352.647**	**0**	**874.646**	
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**2.156.293**	**1.117.293**	**806.265**	**366.538**	**711.597**	**109.000**	**275.000**	**327.597**	**0**	**641.597**	
1	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (đường Lê Hồng Phong đến đường Phan Thị Ràng)	thành phố Rạch Giá	2019-2021	2507/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	53.469	53.469	1.000	1.000	52.000			52.000		52.000	
2	Đường Trần Văn Giàu (khu dân cư Nam An Hòa - đường Phan Thị Ràng)	thành phố Rạch Giá	2019-2021	2508/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	64.818	64.818	1.000	1.000	63.000			63.000		63.000	
3	Kè Kênh Nhánh và đường (cầu 3/2 đến công viên Tôn Đức Thắng)	thành phố Rạch Giá	2019-2021	2529/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	30.000	30.000	10.000	10.000	8.500			8.500		8.500	tất toán (số 199/TTr-UBND, 25/8/2021 của UBND TPRG)
4	Kè, đường và công viên (đường Hoàng Diệu đến cống Sông Kiên) 16ha	thành phố Rạch Giá	2019-2021	2528/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	22.000	22.000	10.000	10.000	7.300			7.300		7.300	tất toán (số 199/TTr-UBND, 25/8/2021 của UBND TPRG)
5	Trường Trung học cơ sở Dương Đông 3, thành phố Phú Quốc.	Thành phố Phú Quốc	2018-2022	203/QĐ-BQLKKTPQ, ngày 29/10/2018 của BQL Khu Kinh tế Phú Quốc;	60.801	60.801	40.000	40.000	16.700			16.700		16.700	
6	Đường trung tâm Bãi Trường đoạn 3 và các đường nhánh	huyện Phú Quốc	2016-2023	07/QĐ-BQLKKTPQ, ngày 29/10/2015; 37/QĐ-BQLKKTPQ, ngày 28/3/2016; 97/QĐ-BQLKKTPQ, ngày 13/05/2020 của Ban quản lý Khu kinh tế Phú Quốc;	1.312.000	275.000	437.727		275.000		275.000			275.000	

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư: Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư: Trong đó: ngân sách tỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Trong đó: ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Trong đó: Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
7	Nghĩa trang Liệt sĩ huyện An Biên (San lấp mặt bằng, xây mới hàng rào)	huyện An Biên	2019-2021	số 3756/QĐ-UBND, ngày 18/9/2019; số 1951/QĐ-UBND ngày 11/5/2021 của UBND huyện An Biên;	8.897	8.897	3.400	3.400	5.497			5.497		5.497	
8	Đường KT1, huyện An Minh	huyện An Minh	2019-2023	1127/QĐ-UBND, 13/5/2016; 523/QĐ-UBND, 06/3/2019 của UBND tỉnh;	200.000	198.000	127.000	125.000	70.000			70.000			**huyện quản lý công trình**
9	Trường Tiểu học Thị trấn 1, huyện An Minh	huyện An Minh	2019-2021	3738/QĐ-UBND, ngày 29/10/2018; 3318/QĐ-UBND, ngày 16/9/2019 của UBND huyện An Minh;	14.950	14.950	7.503	7.503	7.400			7.400		7.400	
10	Cầu Ngã Năm, thị trấn Gò Quao.	huyện Gò Quao	2020-2021	2509/QĐ-UBND, 31/10/2019;	32.000	32.000	13.000	13.000	19.000			19.000		19.000	
11	Đường kênh Đòn Dong, huyện Châu Thành.	huyện Châu Thành	2018-2021	2491/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 2426/QĐ-UBND ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh;	59.790	59.790	28.900	28.900	25.000			25.000		25.000	
12	Mở rộng đường Giục Tượng- Bàn Tân Định, huyện Châu Thành.	xã Giục Tượng, huyện Châu Thành	2019-2021	4217/QĐ-UBND, 30/10/2019; 1460/QĐ-UBND ngày 12/5/2020 của UBND huyện Châu Thành;	13.790	13.790	11.500	11.500	1.200			1.200		1.200	
13	Trường Tiểu học Vĩnh Hòa Phú 2, huyện Châu Thành.	xã Vĩnh Hòa Phú, huyện Châu Thành	2019-2021	3850/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND huyện Châu Thành;	13.298	13.298	9.100	9.100	4.000			4.000		4.000	
14	Nạo vét kênh Rạch Giá - Hà Tiên và sông Giang Thành	thành phố Hà Tiên	2020-2022	2492/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	40.000	40.000	5.000	5.000	31.000			31.000		31.000	
15	Bãi rác Hà Tiên, thành phố Hà Tiên.	thành phố Hà Tiên	2020-2022	2493/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	30.000	30.000	10.000	10.000	17.000			17.000		17.000	
16	Đường ra cửa khẩu quốc tế Hà Tiên	thành phố Hà Tiên	2019-2023	2510/QĐ-UBND, ngày 31/10/2019 của UBND tỉnh;	200.480	200.480	91.135	91.135	109.000	109.000				109.000	
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**				**233.749**	**233.749**	**700**	**700**	**233.049**	**207.999**	**0**	**25.050**	**0**	**233.049**	
1	Trường Mầm non Tân Thạnh, huyện An Minh	xã Tân Thạnh, huyện An Minh	2021-2023	3327/QĐ-UBND ngày 27/11/2020 của UBND huyện An Minh.	14.950	14.950	400	400	14.550			14.550		14.550	
2	Đường Thứ 8 - Thuận Hòa, huyện An Minh	xã Đông Thạnh, huyện An Minh	2021-2023	373/QĐ-UBND ngày 26/02/2021 của UBND huyện An Minh;	10.500	10.500			10.500			10.500		10.500	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư: Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư: Trong đó: ngân sách tỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Trong đó: ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Trong đó: Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
3	Cầu kênh Lục Ứt (ngang kênh Làng Thứ 7), huyện U Minh Thượng	xã Minh Thuận, huyện U Minh Thượng	2020-2022	3382/QĐ-UBND, ngày 30/10/2020 của UBND huyện U Minh Thượng	14.999	14.999			14.999	14.999				14.999	
4	Cầu tuyến tránh Giồng Giềng	huyện Giồng Riềng	2020-2022	số 6307/QĐ-UBND ngày 30/11/2020; số 2616/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND huyện Giồng Riềng;	50.000	50.000	300	300	49.700	49.700				49.700	
5	Đường 286 (Quốc lộ 80 - đê biển)	huyện Hòn Đất	2022-2025	Số 10/NQ-HĐND ngày 04/5/2021; 71/NQ-HĐND ngày 19/8/2021 của HĐND huyện Hòn Đất;	84.000	84.000			84.000	84.000				84.000	
6	Tuyến đường ven sông Ba Voi, xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao	xã Vĩnh Hòa Hưng Nam, huyện Gò Quao	2023-2025	1952/QĐ-UBND ngày 04/6/2021 của UBND huyện Gò Quao;	56.000	56.000			56.000	56.000				56.000	
7	Dự án Quản lý nước bền vững Phú Quốc (bố trí thực hiện công tác Chuẩn bị đầu tư)	Thành phố Phú Quốc	2022-2025		3.300	3.300			3.300	3.300				3.300	Đang hoàn thiện thủ tục chủ trương đầu tư (Thủ tướng CP quyết định)
XXV	**Chương trình nước sạch nông thôn và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025**	Huyện: Châu Thành, Giồng Riềng, Gò Quao, An Minh, An Biên, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, Hòn Đất, Giang Thành; TP Rạch Giá.	2021-2025	542/NQ-HĐND, ngày 14/01/2021 của HĐND tỉnh;	**250.000**	**250.000**	**0**	**0**	**250.000**	**5.000**	**0**	**245.000**		**0**	
a	**Công trình chuyển tiếp sang kế hoạch giai đoạn 2021-2025**														
b	**Công trình khởi công mới kế hoạch giai đoạn 2021-2025**								**250.000**	**5.000**		**245.000**			
XXVI	**Chi đầu tư từ nguồn vay lại, trả nợ gốc**				**783.076**	**10.392**	**0**	**0**	**74.500**	**25.700**	**0**	**0**	**48.800**	**0**	
a	**Bội chi ngân sách địa phương (vay lại)**				**783.076**	**10.392**	**0**	**0**	**48.800**	**0**	**0**	**0**	**48.800**	**0**	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư: Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư: Trong đó: ngân sách tỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020: Trong đó: ngân sách tỉnh	Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh: Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Trong đó: Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Trong đó: Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương	Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
1	Dự án Chống chịu biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long.	các huyện: An Biên, An Minh		1825/TTg-QHQT, ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ; 1693/QĐ-BNN-HTQT, ngày 09/5/2016 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn;	729.247				39.330				39.330		
2	Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	TP: Rạch Giá, Phú Quốc, Hà Tiên; huyện: Châu Thành, Tân Hiệp, Giồng Riềng		1236/QĐ-BTNMT, ngày 30/5/2016 của Bộ Tài nguyên Môi trường; 930/QĐ-TTg, 30/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ; số 2108/QĐ-UBND ngày 20/9/2016; 1831/QĐ-UBND ngày 15/8/2019; số 900/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 của UBND tỉnh;	53.829	10.392			9.470				9.470		
b	Trả nợ gốc								25.700	25.700	0	0	0	0	
1	Dự án Chống chịu biến đổi khí hậu vùng Đồng bằng sông Cửu Long.	các huyện: An Biên, An Minh		1825/TTg-QHQT, ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ; 1693/QĐ-BNN-HTQT, ngày 09/5/2016 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn;	729.247				25.000	25.000					
2	Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	TP: Rạch Giá, Phú Quốc, Hà Tiên; huyện: Châu Thành, Tân Hiệp, Giồng Riềng	2017-2022	1236/QĐ-BTNMT, ngày 30/5/2016 của Bộ Tài nguyên Môi trường; 930/QĐ-TTg, 30/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ; số 2108/QĐ-UBND ngày 20/9/2016; 1831/QĐ-UBND ngày 15/8/2019; số 900/QĐ-UBND ngày 08/4/2020 của UBND tỉnh;	53.829	10.392			700	700					
XXVII	Chi bồi thường giải phóng mặt bằng từ nguồn thu tiền cho thuê đất.								590.000	590.000					
XXVIII	Hỗ trợ Đầu tư công trình giao thông nông thôn				0	0	0	0	1.600.000	0	0	1.600.000	0	1.600.000	Phân bổ theo điểm số tại số 505/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh và Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh về chỉ tiêu huyện Nông thôn mới.
1	Thành phố Rạch Giá	thành phố Rạch Giá							101.838			101.838		101.838	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh					Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
2	Thành phố Hà Tiên	thành phố Hà Tiên							67.098			67.098		67.098	
3	Huyện Giang Thành	huyện Giang Thành							93.587			93.587		93.587	
4	Huyện Kiên Lương	huyện Kiên Lương							112.046			112.046		112.046	
5	Huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất							132.343			132.343		132.343	
6	Huyện Châu Thành	huyện Châu Thành							100.743			100.743		100.743	
7	Huyện Tân Hiệp	huyện Tân Hiệp							98.639			98.639		98.639	
8	Huyện Giồng Riềng	huyện Giồng Riềng							167.085			167.085		167.085	
9	Huyện Gò Quao	huyện Gò Quao							122.076			122.076		122.076	
10	Huyện An Biên	huyện An Biên							100.224			100.224		100.224	
11	Huyện An Minh	huyện An Minh							113.809			113.809		113.809	
12	Huyện U Minh Thượng	huyện U Minh Thượng							83.498			83.498		83.498	
13	Huyện Vĩnh Thuận	huyện Vĩnh Thuận							103.439			103.439		103.439	
14	Thành phố Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc							130.877			130.877		130.877	
15	Huyện Kiên Hải	huyện Kiên Hải							72.698			72.698		72.698	
XXIX	**Đối ứng dự án vốn ODA. Trong đó:**								**500.000**		**500.000**			-	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh					Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh				Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Tiểu dự án: Cải thiện vệ sinh môi trường khu du lịch Chùa Hang- Hòn Phụ Tử thuộc cấu phần 2 của Dự án "phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng".	huyện Kiên Lương	2014-2021	1469/QĐ-BVHTTDL, 16/5/2014; 2192, QĐ-BVHTTDL, 25/6/2015; số 165/QĐ-BVHTTDL ngày 15/01/2021 của Bộ VHTTDL; số 1915/QĐ-UBND ngày 28/8/2018; số 1528/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh;	187.838	57.911		48.467	11.520		11.520				
2	Tiểu dự án: Nâng cấp hạ tầng di tích danh lam thắng cảnh Núi Đá Dựng (di tích Quốc gia) thuộc cấu phần 1 của Dự án "phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng".	thành phố Hà Tiên	2014-2021	1469/QĐ-BVHTTDL, 16/5/2014; 2192, QĐ-BVHTTDL, 25/6/2015; số 165/QĐ-BVHTTDL ngày 15/01/2021 của Bộ VHTTDL; số 1915/QĐ-UBND ngày 28/8/2018; số 1529/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh;	50.086	13.857		11.521	2.336		2.336				
3	Dự án phát triển thủy sản bền vững tỉnh Kiên Giang thuộc dự án SFDP.	tỉnh Kiên Giang													đang đàm phán ký kết Hiệp định.
4	Dự án quản lý nước bền vững Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc													đang đàm phán ký kết Hiệp định.
B	**VỐN PHÂN BỔ THEO TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC GIAI ĐOẠN 2021-2025 CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ (số 505/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh)**				**0**	**0**	**0**	**0**	**3.804.135**	**1.514.135**	**0**	**2.290.000**	**0**	**3.804.135**	
I	Thành phố Rạch Giá	thành phố Rạch Giá							258.153	108.153		150.000		258.153	
II	Thành phố Hà Tiên	thành phố Hà Tiên							170.201	70.201		100.000		170.201	
III	Huyện Giang Thành	huyện Giang Thành							212.038	62.038		150.000		212.038	
IV	Huyện Kiên Lương	huyện Kiên Lương							258.897	108.897		150.000		258.897	
V	Huyện Hòn Đất	huyện Hòn Đất							315.261	115.261		200.000		315.261	
VI	Huyện Châu Thành	huyện Châu Thành							230.142	80.142		150.000		230.142	
VII	Huyện Tân Hiệp	huyện Tân Hiệp							229.912	109.912		120.000		229.912	

	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020		Kế hoạch năm 2021 -2025 vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh					Phân cấp vốn huyện, thị quản lý	Ghi chú
			Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: ngân sách tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*
VIII	Huyện Giồng Riềng	huyện Giồng Riềng							403.401	103.401		300.000		403.401	
IX	Huyện Gò Quao	huyện Gò Quao							289.244	139.244		150.000		289.244	
X	Huyện An Biên	huyện An Biên							228.814	108.814		120.000		228.814	
XI	Huyện An Minh	huyện An Minh							263.281	113.281		150.000		263.281	
XII	Huyện U Minh Thượng	huyện U Minh Thượng							191.582	91.582		100.000		191.582	
XIII	Huyện Vĩnh Thuận	huyện Vĩnh Thuận							236.981	86.981		150.000		236.981	
XIV	Thành phố Phú Quốc	Thành phố Phú Quốc							331.860	131.860		200.000		331.860	
XV	Huyện Kiên Hải	huyện Kiên Hải							184.368	84.368		100.000		184.368	
C	**VỐN TỪ THU SỬ DỤNG ĐẤT (PHÂN BỔ 60% CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ)**				**0**	**0**	**0**	**0**	**4.200.000**	**0**	**4.200.000**	**0**	**0**	**4.200.000**	
D	**VỐN DỰ PHÒNG**								**260.042**	**249.088**	**0**	**10.954**			